TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 185/2018/DS-PT Ngày 18 – 7 – 2018 V/v tranh chấp đòi lại tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Ba

Ông Phan Đức Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 143/2017/TLPT–DS ngày 18 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm: 01/2017/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 508/2017/QĐ-PT ngày 13 tháng 9 năm 2017; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1969; cư trú tại: 39/139, Highttett St, Richmond, VIC 3121, Australia; tạm trú tại: Số 76B1 UVK, phường CK, quận NK, thành phố Cần Thơ; *(có mặt).*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Đỗ Hải B – Luật sư Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, *(có mặt).*

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1967; cư trú tại: Số 16 BTX, phường TB, quận NK, thành phố Cần Thơ; *(có mặt).*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông NLQ1, sinh năm 1957; cư trú tại: Số 186/13B NVC, phường AH, quận NK, thành phố Cần Thơ; *(xin vắng mặt).*

2. Bà NLQ2, sinh năm 1944; cư trú tại: Số 84 ấp AĐ, thị trấn ĐN, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng; *(vắng mặt).*

- *Người làm chứng*: Bà Lý Thị Mai Ph, sinh năm 1968; cư trú tại: Số 278/25/4A TV, phường HL, quận NK, thành phố Cần Thơ; *(vắng mặt).*

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn - bà Trần Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Do không am hiểu pháp luật nên bà nhờ ông Nguyễn Văn Th và ông NLQ1 thay bà đứng ra cho bà NLQ2 vay số tiền 900.000.000 đồng (trong đó ông Th cho vay 800.000.000 đồng, ông NLQ1 cho vay 100.000.000 đồng). Trong quá trình cho vay, do bà NLQ2 không thực hiện đúng hợp đồng nên ông Th và ông NLQ1 đã khởi kiện ra Tòa yêu cầu bà NLQ2 thực hiện nghĩa vụ trả số nợ trên.

Tại bản án sơ thẩm số 69/2013/DSST ngày 19/8/2013 của Tòa án nhân dân (TAND) quận NK và bản án phúc thẩm số 86/2014/DSPT ngày 30/5/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã tuyên xử buộc bà NLQ2 trả cho ông Th số tiền 936.000.000 đồng (trong đó tiền vốn là 800.000.000 đồng và 136.000.000 đồng tiền lãi); trả cho ông NLQ1 số tiền 117.000.000 đồng (trong đó tiền vốn là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 17.000.000 đồng). Sau khi bản án phúc thẩm có hiệu lực, ông NLQ1 đã trả lại cho bà toàn bộ số tiền mà ông NLQ1 đã được nhận từ bà NLQ2. Riêng ông Th thì không đồng ý trả lại số tiền mà ông được nhận. Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn Th có trách nhiệm trả số tiền này lại cho bà.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Theo yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H thì ông Th không đồng ý. Giữa ông Th và bà H không có giao giao dịch vay mượn tài sản như bà H đã trình bày. Việc tranh chấp số tiền vay 900.000.000 đồng giữa ông Th, ông NLQ1 và bà NLQ2 đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật và đã được Cơ quan Thi hành án cho thi hành bản án trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà H: Số tiền 900.000.000 đồng là do bà H cho bà NLQ2 vay nhưng nhờ ông và ông Th đứng tên cho vay giúp. Bà H là người trực tiếp đưa tiền cho bà NLQ2. Do bà NLQ2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông và ông Th khởi kiện và đã được Tòa án giải quyết buộc bà NLQ2 trả cho ông và

ông Th số tiền trên. Đối với số tiền ông được nhận, ông đã giao trả lại cho bà H, còn ông Th thì không đồng ý trả. Do vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông Th trả cho bà H số tiền mà ông Th nhận được từ bà NLQ2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ2 trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị H. Số tiền 900.000.000 đồng là do bà vay trực tiếp từ bà H. Ông Th và ông NLQ1 chỉ đứng tên giúp cho bà H. Do vậy, bà chỉ đồng ý trả số tiền trên cho bà H, bà không đồng ý trả cho ông Th và ông NLQ1.

Người làm chứng bà Lý Thị Mai Ph trình bày:

Số tiền 900.000.000 đồng mà mẹ của bà là NLQ2 vay thực chất là do ông Lê Hoàng A (chồng của bà) vay, ông Hoàng A không nhận tiền mặt mà nhận bằng quyền sử dụng đất trị giá 700.000.000 đồng của ông Nguyễn Ngọc Phi Ph1 và số tiền 180.000.000 đồng từ ông NLQ1. Do tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của bà NLQ2 nên bà NLQ2 đứng ra ký hợp đồng vay tài sản với ông Th và ông NLQ1. Nay bà NLQ2 đã thi hành bản án của Tòa án, trả tiền cho ông Th và ông NLQ1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2017/DSST ngày 15 tháng 5 năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Áp dụng Điều 26, Điều 37, Điều 264, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Th về việc yêu cầu ông Th trả lại số tiền 936.000.000 đồng.

Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 147/QĐ-BPKCTT ngày 21/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Bà Trần Thị H được nhận lại số tiền 33.000.000 đồng và tiền lãi (nếu có) là tài sản đảm bảo được gửi phong tỏa tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ theo Quyết định buộc áp dụng biện pháp đảm bảo số 142/2016/QĐ-BPBĐ ngày 16/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 25/5/2017 nguyên đơn bà Trần Thị H có đơn kháng bản án dân sự sơ thẩm nêu trên với lý do: Ông Th và ông NLQ1 chỉ là người đứng tên hộ bà H tại hợp đồng cho bà NLQ2 vay số tiền 900.000.000 đồng. Bà NLQ2 đã xác nhận

số tiền này là do bà H trực tiếp đưa cho bà NLQ2. Anh Lê Hoàng A khai tại biên bản đối chất ngày 23/10/2015 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ: Số tiền 900.000.000 đồng là tài sản của cô H. Ông NLQ1 cũng khai tiền bà NLQ2 vay là tiền của bà H và sau khi bà NLQ2 thi hành bản án phúc thẩm số 86/2014/DSPT của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giao cho ông NLQ1 117.000.000 đống thì ông NLQ1 liền ủy quyền cho bà H nhận số tiền này. Với các chứng cứ trên đủ cơ sở xác định nguồn gốc số tiền vay là do bà H trực tiếp đưa cho người vay là bà NLQ2. Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh Công an thành phố Cần Thơ qua trao đổi với Cục Quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an đã xác định: *Ông Nguyễn Ngọc Phi Ph1 đã xuất cảnh sang Úc ngày 08/6/2000. Đến nay chưa thấy thông tin nhập cảnh (Công văn số 771/PA72-XC ngày 23/9/2013)*. Điều này chứng tỏ ông Nguyễn Ngọc Phi Ph1 không thể tham gia giao dịch cho vay tài sản vào năm 2011, nên việc ông Th khai: Bản chất hợp đồng vay tài sản ngày 22/3/2011 là giao dịch giữa các ông Th và Lê Hoàng A, Nguyễn Ngọc Phi Ph1, là không có căn cứ. Với các lý do nêu trên, bà H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm buộc ông Th phải trả lại cho bà số tiền 936.000.000 đồng do bà NLQ2 thi hành bản án dân sự phúc thẩm số 86/2014/DSPT của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: Mặc dù bản án dân sự phúc thẩm số 86/2014/DSPT ngày 30/5/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tuyên buộc bà NLQ2 có trách nhiệm trả cho ông Th số tiền 936.000.000 đồng (trong đó số tiền vốn là 800.000.000 đồng và tiền lãi là 136.000.000 đồng). Nhưng các đương sự trong vụ án là ông NLQ1 và bà NLQ2, cùng người làm chứng là bà Lý Thị Mai Ph đều thừa nhận số tiền này của bà H, ông Th chỉ là người đứng tên giùm bà H. Bản án dân sự phúc thẩm số 86/2014/DSPT ngày 30/5/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã không tuyên buộc bà NLQ2 phải có trách nhiệm trả số tiền 936.000.000 đồng cho bà H là do Tòa án không đưa bà H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông Th phải trả lại cho bà số tiền 936.000.000 đồng do bà NLQ2 thi hành bản án dân sự phúc thẩm số 86/2014/DSPT của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, là có căn cứ. Những phân tích và nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm để bác yêu cầu khởi hiện của bà H là suy diễn không có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông Th phải trả lại cho bà H số tiền 936.000.000 đồng do đã nhận từ bà NLQ2 trong việc thi hành bàn án dân sự phúc thẩm số 86/2014/DSPT của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa cùng các thành viên Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án và các đương sự tham gia tố tụng vụ án chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ, theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị H: Theo hợp đồng vay tài sản được lập ngày 22/3/2011 thì bên cho vay là ông Nguyễn Văn Th và ông NLQ1, còn bên vay là bà NLQ2, với số tiền là 900.000.000 đồng. Việc vay tài sản giữa các bên đã được giải quyết bằng bản án sơ thẩm số 69/2013/DSST ngày 19/8/2013 của Tòa án nhân dân quận NK, thành phố Cần Thơ và bản án dân sự phúc thẩm số 86/2014/DSPT ngày 30/5/2014 Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ đã có hiệu lực pháp luật, nhưng không có nội dung nào liên quan đến bà H. Những phân tích và nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc bác yêu cầu khởi hiện của bà H là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị H nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ; Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[2] Theo hợp đồng vay tài sản ngày 22/3/2011 thì bên cho vay là ông Nguyễn Văn Th và ông NLQ1, còn bên vay là bà NLQ2, với số tiền là 900.000.000 đồng. Việc vay tài sản giữa các bên nêu trên có tranh chấp và đã được giải quyết bằng bản án sơ thẩm số 69/2013/DSST ngày 19/8/2013 của Tòa án nhân dân quận NK, thành phố Cần Thơ và bản án dân sự phúc thẩm số 86/2014/DSPT ngày 30/5/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã có hiệu lực pháp luật. Theo đó, bà NLQ2 phải trả cho ông Nguyễn Văn Th số tiền 936.000.000 đồng; trong đó, tiền vay gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi là 136.000.000 đồng. Qua xem xét hợp đồng vay tài sản ngày 22/3/2011, bản án sơ thẩm số 69/2013/DSST ngày 19/8/2013 của Tòa án nhân dân quận NK và bản án dân sự phúc thẩm số 86/2014/DSPT ngày 30/5/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thì không có nội dung nào thể hiện số tiền vay là của bà H. Các đương sự tham gia vụ án cũng không đề cập về nguồn gốc số tiền vay là của bà H. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm, bà H còn thừa nhận biết việc Tòa án giải

quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Th, ông NLQ1 và bà NLQ2 về số tiền vay theo hợp đồng vay tài sản mà các bên lập ngày 22/3/2011 nêu trên, nhưng bà H không yêu cầu được tham gia giải quyết vụ án.

[3] Xét các lý do bà H đưa ra để yêu cầu ông Th phải trả lại cho bà số tiền 936.000.000 đồng do bà NLQ2 thi hành bản án dân sự phúc thẩm số 86/2014/DSPT của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ:

[3.1] Bà H cho rằng tại phiên đối chất giữa ông Th và ông Lê Hoàng A do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ lập ngày 04/6/2015, ông Th đã thừa nhận số tiền 900.000.000 đồng mà bà NLQ2 vay là của bà H. Tuy nhiên, qua xem xét nội dung biên bản đối chất này thì ông Th chỉ trình bày về bản chất của hợp đồng vay tài sản ngày 22/3/2011 và xác định trong giao dịch này bà H hoàn toàn không biết sự thỏa thuận làm ăn giữa ông Th, ông Phụng và ông Hoàng A. Nội dung biên bản đối chất không thể hiện nguồn gốc số tiền 900.000.000 đồng là của bà H (BL 394 – 395).

[3.2] Theo đơn khởi kiện và các lời trình bày sau đó của bà H thì bà là người cho bà NLQ2 vay tổng cộng 900.000.000 đồng và bà đã trực tiếp giao số tiền này cho bà NLQ2 tại Phòng công chứng 24H. Tuy nhiên, tại biên bản đối chất ngày 23/10/2015 (BL 89, 99) thì bà H lại xác định bà cho ông Lê Hoàng A là con rể của bà NLQ2 vay 900.000.000 đồng và tài sản bảo lãnh nợ là của bà NLQ2 nên các bên để cho bà NLQ2 đứng tên vay. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H còn cho rằng số tiền 900.000.000 đồng là do bà đưa trực tiếp cho bà NLQ2 tại nhà của bà H.

Trong khi đó, tại biên bản làm việc ngày 06/6/2016, bà NLQ2, người trực tiếp vay tiền đã thừa nhận số tiền 900.000.000 đồng mà bà vay từ ông Th và ông NLQ1, nhưng bà không nhận tiền mặt mà nhận bằng quyền sử dụng đất của bà H, ông Phụng trị giá 720.000.000 đồng và tiền mặt 180.000.000 đồng từ bà H (BL154 - 155). Tại biên bản hòa giải ngày 16/6/2016 bà NLQ2 lại cho rằng số tiền 900.000.000 đồng bà nhận tiền mặt từ bà H và ông NLQ1 tại Phòng công chứng 24H (BL 271 - 272).

Xét lời khai của bà H và bà NLQ2 như trên là có sự không thống nhất và có nhiều mâu thuẫn với nhau nên không đủ cơ sở để được chấp nhận.

[3.3] Đối với lời khai của ông NLQ1 cho rằng số tiền mà bà NLQ2 vay là của bà H và bà H là người trực tiếp giao tiền cho bà NLQ2. Nhưng qua xem xét thì lời trình bày của ông NLQ1 không thống nhất với các đương sự khác; mặt khác, ông NLQ1 là anh rể của bà H, giữa ông và bà H có mối quan hệ thân thuộc nên Tòa án cấp sơ thẩm nhận định lời khai nhận của ông NLQ1 không khách quan, là có cơ sở.

[3.4] Đối với lời khai của người làm chứng là Lý Thị Mai Ph, thì do bà Ph không phải là người trực tiếp tham gia trong quá trình giao dịch và cũng không trực tiếp chứng kiến việc giao nhận tiền giữa các bên mà thông qua người khác, nên lời khai của bà Ph cũng không có cơ sở.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc ông Th phải trả lại số tiền 936.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị H; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Những ý kiến, quan điểm đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Trần Thị H tại phiên tòa phúc thẩm không phù hợp với phân tích và nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nêu trên nên không được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận, bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DSST ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ:

Áp dụng Điều 26, Điều 37, Điều 264, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Th về việc yêu cầu ông Th trả lại số tiền 936.000.000 đồng.

Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 147/QĐ-BPKCTT ngày 21/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Bà Trần Thị H được nhận lại số tiền 33.000.000 đồng và tiền lãi (nếu có) là tài sản đảm bảo được gửi phong tỏa tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ theo Quyết định buộc áp dụng biện pháp đảm bảo số 142/2016/QĐ-BPBĐ ngày 16/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị H phải chịu 40.080.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 20.000.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 003154 ngày 23/3/2015 của Chi cục thi hành án dân sự quận NK, thành phố Cần Thơ, bà H còn phải nộp 20.080.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng ứng án phí dân sự phúc thẩm bà H đã nộp theo biên lai thu số: 000246 ngày 26/5/2017; bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 18 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự (4);
- Lưu: VP (3), HS (2), 15b. (ÁN 09)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đình Thanh